TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐĂK LĂK** Bản án số: 29/2023/HNGĐ – ST Ngày 27/4/2023. V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn Hải.

2.Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đăk Lăk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Nguyên –Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 419/2022/TLST-DS ngày 10/10/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 28/3/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 14/2023/QĐST-DS ngày 13/4/2023 giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 14, t1, k4, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn P 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai D trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi đến với nhau trên cơ sở tìm hiểu và tự nguyện, sau đó chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy đăng ký kết hôn số: 33/2013, quyển số 01/2012, cấp ngày 28 tháng 3 năm 2013. Sau khi đăng ký kết hôn đến khoảng tháng 9/2021, thì vợ chồng tôi chung sống với nhau nhưng không được hạnh phúc. Vợ chồng sống chung nhưng thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên chúng tôi đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Bên cạnh đó, lúc sống chung thì chồng tôi thường xuyên chửi bới, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của tôi và đánh đập tôi nữa. Lâu dần, việc này khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, làm ảnh hưởng nhiều đến tâm lý của tôi và con. Trước nay, tôi vì nghĩ đến hạnh phúc gia đình, sự phát triển toàn diện của con nên mới muốn kéo dài mối quan hệ này. Nhưng đến nay tôi nhận thấy cuộc vợ chồng không thể dung hòa được nữa, mâu thuẫn đã rất nghiêm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được, vì vậy tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Bùi Văn H.

-Về con chung: Chúng tôi có với nhau được 01 người con chung là cháu Bùi Phi L, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2013 (hiện nay cháu đang sinh sống và học tập cùng chồng tôi), vì vậy tôi nhất trí giao con cho anh Bùi Văn H nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Bị đơn anh Bùi Văn H vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

+Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Mai D và anh Bùi Văn H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị Nguyễn Thị Mai D và anh Bùi Văn H đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai D.

+Đối với con chung: Vợ chồng chị D, anh H có 01 con chung là cháu Bùi Phi L, sinh ngày 08/7/2013, quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Mai D có nguyện vọng giao con chung cho anh H nuôi dưỡng do hiện nay cháu đang cùng sống với bố và đang được anh H trực tiếp chăm sóc. Xét thấy nguyện vọng của chị D là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Bùi Phi L cho anh Bùi Văn H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+Đối với tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mai D được ly hôn với anh Bùi Văn H.

Về con chung: Giao cháu Bùi Phi L cho anh Bùi Văn H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai D có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai D và anh Bùi Văn H có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/3/2013, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Phi L, sinh ngày 08/7/2013. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Mai D và anh Bùi Văn H đã đến mức trầm trọng, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị D xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân

giữa chị Nguyễn Thị Mai D và anh Bùi Văn H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai D, cho chị Nguyễn Thị Mai D được ly hôn với anh Bùi Văn H.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị D và anh H có 01 con chung là cháu Bùi Phi L, sinh ngày 08/7/2013. Hiện nay cháu đang sống cùng bố, chị D có nguyện vọng được giao con chung cho anh H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Bùi Văn H vắng mặt tại phiên toà không có lý do nên không thể xác định được nguyện vọng của anh H đối với con chung. Tuy nhiên xét thấy hiện nay cháu Long đang sinh sống, học tập cùng bố, việc giao cháu Long cho bố nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu, nguyện vọng của chị D là chính đáng, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao cháu Bùi Phi L, sinh ngày 08/7/2013 cho anh Bùi Văn H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị Mai D được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên chị D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét thấy ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 , 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai D.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mai D được ly hôn với anh Bùi Văn H.

-Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mai D và anh Bùi Văn H có 01 con chung là cháu Bùi Phi L, sinh ngày 08/7/2013.

Giao cháu Bùi Phi L, sinh ngày 08/7/2013 cho anh Bùi Văn H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị Mai D được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên chị D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

2.Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mai D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0016489 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND H.Krông Pắc;
-Chi cục THADS H.Krông Pắc;
-UBND xã Ea Kuang, H.Krông Pắc;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

H’ Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H’Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Vinh **Trịnh Thị Oanh** **H'Năm Bkrông**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H’Năm Bkrông

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
-UBND xã Long Thạnh H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H’ Năm Bkrông